

ĐỀ KIỂM TRA
HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

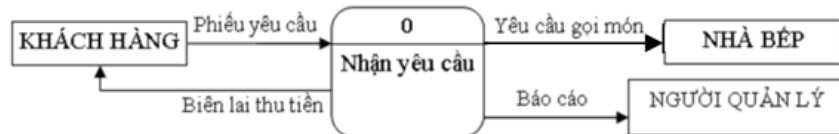
1. Phân rã hệ thống giúp cho người phân tích viên
 - a Hiểu được cấu trúc phân cấp của hệ thống *
 - b Chỉ ra những khuyết điểm của hệ thống
 - c Chỉ ra phạm vi giải quyết vấn đề
 - d Chỉ ra những khuyết điểm của hệ thống và Chỉ ra phạm vi giải quyết vấn đề
2. Sự phân rã hệ thống giúp cho người phân tích viên
 - a Hiểu được vai trò của mỗi thành phần đối với toàn hệ thống
 - b Tập trung vào những vấn đề cơ bản, bỏ qua các chi tiết không quan trọng
 - c Tập trung vào các thành phần liên quan đến vấn đề đang giải quyết
 - d Tất cả các đáp án còn lại *
3. Lược đồ nào sau đây không được tạo ra từ việc phân rã hệ thống
 - a ERD và DFD
 - b DFD
 - c ERD
 - d Không có lược đồ nào *
4. Vai trò của hệ thống thông tin quản lý đối với mục tiêu của tổ chức là
 - a Phương tiện để hoạch định mục tiêu
 - b Phương tiện phản ánh kết quả thực hiện mục tiêu
 - c Phương tiện phổ biến mục tiêu
 - d Cả ba đáp án còn lại đều đúng *
5. Tiến trình là gì ?
 - a Là một chuỗi hoạt động có ý thức để tạo ra những thay đổi cần thiết *
 - b Là một chuỗi hoạt động tương tác giữa người và máy tính
 - c Là một chuỗi hoạt động đã được quy định sẵn, phải tuân thủ
 - b Tất cả đều đúng
6. Yếu tố nào sau đây là bắt buộc phải có trong các hệ thống thông tin quản lý
 - a Máy tính
 - b Phần mềm
 - c Chuẩn
 - d Cả ba đáp án còn lại đều đúng *
7. Những gì sau đây được xem như là thành phần của một hệ thống thông tin quản lý ?
 - a Máy tính được dùng để xử lý thông tin
 - b Người sử dụng phần mềm để tạo ra thông tin hữu ích cho tổ chức
 - c Người làm nhiệm vụ bảo trì và nâng cấp phần mềm
 - d Tất cả đều đúng *
8. ATM (máy rút tiền tự động) là một
 - a Hệ thống thông tin quản lý (MIS)
 - b Hệ thống hỗ trợ ra quyết định (DSS)
 - d Hệ thống xử lý giao dịch (TPS) *
 - c Tất cả đều đúng
9. Mô tả nào sau đây là chính xác nhất cho phương pháp phỏng vấn cá nhân
 - a Chuẩn bị câu hỏi, giới hạn chủ đề và thời gian cho các chủ đề *
 - b Chuẩn bị câu hỏi và tìm câu trả lời trong các tài liệu của tổ chức
 - c Chuẩn bị câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu và xác định trước các câu trả lời
 - d Chuẩn bị câu hỏi, các phương tiện nghe nhìn và thiết kế buổi phỏng vấn
10. Mô tả nào sau đây là chính xác nhất cho phương pháp khảo sát bằng phiếu thăm dò
 - a Chuẩn bị câu hỏi và tìm câu trả lời trong các tài liệu của tổ chức
 - b Chuẩn bị câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu và xác định trước các câu trả lời *
 - c Chuẩn bị câu hỏi, giới hạn chủ đề và thời gian cho các chủ đề
 - d Chuẩn bị câu hỏi, các phương tiện nghe nhìn và thiết kế buổi phỏng vấn
11. Mô tả nào sau đây là chính xác nhất cho phương pháp phỏng vấn

- a Chuẩn bị câu hỏi, giới hạn chủ đề và thời gian cho các chủ đề *
 - b Chuẩn bị câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu và xác định trước các câu trả lời
 - c Chuẩn bị câu hỏi và tìm câu trả lời trong các tài liệu của tổ chức
 - d Chuẩn bị câu hỏi, các phương tiện nghe nhìn và thiết kế buổi phỏng vấn
12. Mô tả nào sau đây là chính xác nhất cho phương pháp khảo sát tài liệu
- a Chuẩn bị câu hỏi, các phương tiện nghe nhìn và thiết kế buổi phỏng vấn
 - b Chuẩn bị câu hỏi và tìm câu trả lời trong các tài liệu của tổ chức *
 - c Chuẩn bị câu hỏi, giới hạn chủ đề và thời gian cho các chủ đề
 - d Chuẩn bị câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu và xác định trước các câu trả lời
13. Khuyết điểm chính của phương pháp quan sát thực tế là
- a Có mâu thuẫn giữa thực tế và mô tả trong các tài liệu của tổ chức
 - b Khó xác định được thời điểm hợp lý để quan sát
 - c Phát hiện nhiều công việc không có trong quy trình
 - d Tốn nhiều thời gian để quan sát *
14. Mô tả nào sau đây dùng cho dòng dữ liệu (data flow)
- a Nguồn gốc phát sinh hoặc đích đến của dữ liệu
 - b Dữ liệu được lưu tại đây và có nhiều dạng thể hiện khác nhau
 - c Công việc hoặc tác động lên dữ liệu, nhờ vậy dữ liệu được chuyển đổi, lưu trữ, phân phối *
 - d Dữ liệu mang nội dung di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác
15. Mô tả nào sau đây dùng cho xử lý (process)
- a Tác động lên dữ liệu, nhờ vậy dữ liệu được chuyển đổi, lưu trữ, phân phối *
 - b Nguồn gốc phát sinh hoặc đích đến của dữ liệu
 - c Dữ liệu được lưu tại đây và có nhiều dạng thể hiện khác nhau
 - d Dữ liệu mang nội dung di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác
16. Mô tả nào sau đây dùng cho Data Store
- a Dữ liệu được lưu tại đây và có nhiều dạng thể hiện khác nhau *
 - b Dữ liệu mang nội dung di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác
 - c Nguồn gốc phát sinh hoặc đích đến của dữ liệu
 - d Công việc hoặc tác động lên dữ liệu, nhờ vậy dữ liệu được chuyển đổi, lưu trữ, phân phối
17. Yêu cầu để DFD có tính chất đúng đắn, hợp lý là
- a Tất cả các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin được thể hiện đầy đủ trên lược đồ
 - b Tất cả các ký hiệu cơ bản của lược đồ DFD (dataflow, datastore, process) được đưa vào đầy đủ trong lược đồ
 - c Tất cả các dòng dữ liệu vào ra của 1 xử lý hoàn toàn phù hợp (tương thích) với các dòng dữ liệu vào ra của lược đồ phân rã xử lý đó
 - d Tất cả những mô tả trong lược đồ hoàn toàn phù hợp với các quy tắc quản lý của tổ chức *
18. Vai trò của các lược đồ DFD, ERD đối với việc phát triển hệ thống thông tin là
- a Để hạn chế sử dụng các đoạn văn mô tả dài dòng.
 - b Để chia sẻ sự hiểu biết về một hệ thống thông tin giữa những người tham gia phát triển hệ thống thông tin đó
 - c Để hệ thống hóa kiến thức hiểu biết của mỗi cá nhân về một hệ thống thông tin
 - d Tất cả đều đúng *
19. Mô tả nào phù hợp với DFD mức vật lý cho hệ thống hiện tại
- a Tên của mỗi xử lý có chỉ ra cách thực hiện công việc của hệ thống hiện tại *
 - b Tên của mỗi xử lý mô tả cách thức thực hiện một công việc trong hệ thống mới
 - c Tên của mỗi xử lý là một yêu cầu chức năng cần phải thực hiện trong hệ thống mới
 - d Tên của mỗi xử lý chỉ thể hiện một vai trò chức năng của nó trong hệ thống hiện tại
20. Mô tả nào phù hợp với DFD mức luận lý cho hệ thống hiện tại
- a Tên của mỗi xử lý chỉ thể hiện một vai trò chức năng của nó trong hệ thống hiện tại
 - b Tên của mỗi xử lý mô tả cách thức thực hiện một công việc trong hệ thống mới
 - c Tên của mỗi xử lý là một yêu cầu chức năng cần phải thực hiện trong hệ thống mới
 - d Tên của mỗi xử lý có chỉ ra cách thực hiện công việc của hệ thống hiện tại *
21. Mô tả nào phù hợp với DFD mức luận lý cho hệ thống mới

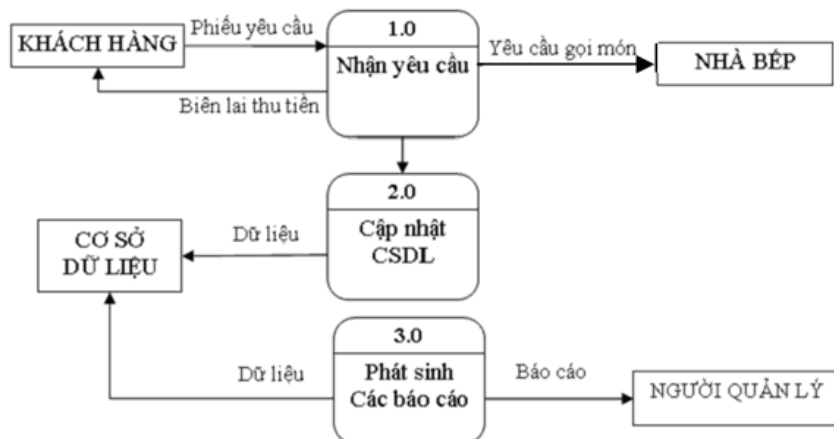
- a Tên của mỗi xử lý mô tả cách thức thực hiện một công việc trong hệ thống mới *
 - b Tên của mỗi xử lý là một yêu cầu chức năng cần phải thực hiện trong hệ thống mới
 - c Tên của mỗi xử lý có chỉ ra cách thực hiện công việc của hệ thống hiện tại
 - d Tên của mỗi xử lý chỉ thể hiện một vai trò chức năng của nó trong hệ thống hiện tại
22. Mô tả nào phù hợp với DFD mức vật lý cho hệ thống mới
- a Tên của mỗi xử lý mô tả cách thức thực hiện một công việc trong hệ thống mới *
 - b Tên của mỗi xử lý có chỉ ra cách thực hiện công việc của hệ thống hiện tại
 - c Tên của mỗi xử lý chỉ thể hiện một vai trò chức năng của nó trong hệ thống hiện tại
 - d Tên của mỗi xử lý là một yêu cầu chức năng cần phải thực hiện trong hệ thống mới
23. Mô tả nào phù hợp với khái niệm “thực thể” trong mô hình quan niệm dữ liệu
- a Là một vật thể có thật trong thế giới khách quan
 - b Là một đối tượng cụ thể có những thuộc tính cần thiết cho việc mô hình hóa
 - c Là một tập hợp gồm nhiều đối tượng có chung một số tính chất (thuộc tính) *
 - a Cả a,b,c đều sai
24. Mô tả nào phù hợp với khái niệm “thể hiện” trong mô hình thực thể quan hệ
- a Là một đối tượng cụ thể có những thuộc tính cần thiết cho việc mô hình hóa *
 - b Là một tập hợp gồm nhiều đối tượng có cùng chung một số tính chất (thuộc tính)
 - c Là 1 bảng số liệu
 - d Cả a,b,c đều sai
25. Ý niệm về “bằng cấp” của nhân viên trong tổ chức được mô hình hóa tốt nhất bằng
- a Thuộc tính của quan hệ
 - b Quan hệ
 - c Thực thể
 - d Thuộc tính của thực thể *
26. Cho 2 bảng quan hệ DAYCHUYEN (MãDâyChuyền, Tên, ĐịaChỉ) và SANPHAM (MãDâyChuyền, MãSảnPhẩm, Mô tả Sản Phẩm, TrọngLượng, Giá). Một dây chuyền làm ra nhiều sản phẩm, một sản phẩm chỉ được làm từ một dây chuyền (các giá trị trong cột MãDâyChuyền của bảng SANPHAM được lấy từ cột MãDâyChuyền của bảng DAYCHUYEN). Mối quan hệ giữa bảng DAYCHUYEN và bảng SANPHAM là mối quan hệ:
- a Nhiều-Nhiều (N-M)
 - b Một-Nhiều (1-N), SANPHAM được diễn tả ở phía 1
 - c Một-Nhiều (1-N), SANPHAM được diễn tả ở phía N *
 - d Không thuộc các dạng trên.
27. Cho 2 bảng quan hệ DAYCHUYEN (MãDâyChuyền, Tên, ĐịaChỉ) và SANPHAM (MãDâyChuyền, MãSảnPhẩm, Mô tả Sản Phẩm, TrọngLượng, Giá). Một dây chuyền làm ra nhiều sản phẩm, một sản phẩm chỉ được làm từ một dây chuyền (các giá trị trong cột MãDâyChuyền của bảng SANPHAM được lấy từ cột MãDâyChuyền của bảng DAYCHUYEN). Chúng ta biết được gì từ bảng SANPHAM ?
- a Có 2 khóa chính: MãDâyChuyền và MãSảnPhẩm
 - b Có một khóa chính kết hợp từ MãDâyChuyền và MãSảnPhẩm
 - c Có chỉ có 1 khóa chính là MãSảnPhẩm, và một khóa liên kết là MãDâyChuyền *
 - d Tất cả đều sai
28. Bảng quan hệ có cấu trúc tốt (well structured relation) là bảng quan hệ
- a Không có khóa bị rỗng
 - b Chỉ chứa dữ liệu nguyên tố
 - c Chỉ chứa tối thiểu dữ liệu dư thừa
 - d Tất cả đều đúng *
29. Mô tả nào sau đây thể hiện đặc trưng cơ bản của dạng chuẩn 1 (1NF)
- a Bảng không có 2 dòng hoàn toàn giống nhau *
 - b Bảng không có ô dữ liệu nào mang nhiều giá trị
 - c Thuộc tính không phải là khóa thì phụ thuộc hàm vào toàn bộ khóa chính
 - d Bảng không chứa phụ thuộc hàm bắc cầu
30. Mô tả nào sau đây thể hiện đặc trưng cơ bản của dạng chuẩn 2 (2NF)

- a Thuộc tính không phải là khóa thì phụ thuộc hàm vào toàn bộ khóa chính *
 - b Bảng không chứa phụ thuộc hàm bắc cầu
 - c Bảng không có 2 dòng hoàn toàn giống nhau
 - d Bảng không có ô dữ liệu nào mang nhiều giá trị
31. Mô tả nào sau đây thể hiện đặc trưng cơ bản của dạng chuẩn 3 (3NF)
- a Thuộc tính không phải là khóa thì phụ thuộc hàm vào toàn bộ khóa chính
 - b Bảng không có 2 dòng hoàn toàn giống nhau
 - c Bảng không chứa phụ thuộc hàm bắc cầu *
 - d Bảng không có ô dữ liệu nào mang nhiều giá trị
32. Mục đích chính của việc chuẩn hóa các bảng quan hệ là
- a Để tiết kiệm không gian lưu dữ liệu
 - b Phân rã bảng quan hệ phức tạp thành các bảng nhỏ hơn để dễ thao tác
 - c Tránh trùng lặp dữ liệu giữa các bảng
 - d Tạo ra các bảng quan hệ có cấu trúc tốt *
33. Trường công thức trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu là gì ?
- a Là trường được hệ thống tự động tính giá trị dựa trên công thức đã khai báo cho nó *
 - b Là trường chứa công thức của mẫu tin
 - c Là trường mà giá trị của nó phải phù hợp với công thức đã khai báo
 - d Là trường chứa các quy tắc kiểm tra tính đúng đắn của dữ liệu
34. Phát biểu nào sau đây là định nghĩa của hệ quản trị cơ sở dữ liệu
- a Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là phần mềm định nghĩa, thao tác, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu
 - b Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là phần mềm dùng để liên kết nhiều cơ sở dữ liệu
 - c Hệ quản trị cơ sở dữ liệu không chứa cơ sở dữ liệu
 - d Tất cả đều đúng*
35. Hiệu quả sử dụng một hệ thống thông tin phụ thuộc chủ yếu vào
- a Đầu tư cho các thiết bị phần cứng
 - b Thiết lập mạng máy tính có băng thông lớn (tốc độ cao)
 - c Bố trí nguồn lực phù hợp với từng công việc trong hệ thống *
 - d Trang bị đầy đủ phần mềm cho người sử dụng
36. Phát biểu nào sau đây mô tả chuyển đổi trực tiếp (direct conversion)
- a Toàn bộ hệ thống cũ vẫn còn hoạt động trong khi hệ thống mới đã bắt đầu
 - b Một phần của hệ thống cũ được thay thế dần bằng hệ thống mới
 - c Hệ thống mới được đưa vào vận hành ở một số chi nhánh của tổ chức
 - d Toàn bộ hệ thống cũ ngừng hoạt động ngay khi hệ thống mới bắt đầu hoạt động *
37. Phát biểu nào sau đây mô tả chuyển đổi song hành (parallel conversion)
- a Hệ thống mới được đưa vào vận hành ở một số chi nhánh của tổ chức
 - b Toàn bộ hệ thống cũ ngừng hoạt động ngay khi hệ thống mới bắt đầu hoạt động
 - c Một phần của hệ thống cũ được thay thế dần bằng hệ thống mới
 - d Toàn bộ hệ thống cũ vẫn còn hoạt động trong khi hệ thống mới đã bắt đầu*
38. Phát biểu nào sau đây mô tả chuyển đổi từng phần (phased conversion)
- a Một phần của hệ thống cũ được thay thế dần bằng hệ thống mới *
 - b Hệ thống mới được đưa vào vận hành ở một số chi nhánh của tổ chức
 - c Toàn bộ hệ thống cũ ngừng hoạt động ngay khi hệ thống mới bắt đầu hoạt động
 - d Toàn bộ hệ thống cũ vẫn còn hoạt động trong khi hệ thống mới đã bắt đầu
39. Một hệ thống thông tin có thể tồn tại được không nếu thiếu phần mềm ?
- a Có, đó là khi người ta chưa có cơ hội sử dụng máy tính
 - b Có, đó là hệ thống thông tin quản lý theo theo chức năng
 - c Không, vì nó chỉ có thể là hệ thống dữ liệu, không phải là hệ thống thông tin
 - d Không, các hệ thống thông tin không thể thiếu phần mềm *
40. Yêu cầu cơ bản để DFD có tính chất hoàn chỉnh là
- a Tất cả các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin được thể hiện đầy đủ trên lược đồ *
 - b Tất cả những mô tả trong lược đồ hoàn toàn phù hợp với các quy tắc quản lý của tổ chức

- c Tất cả các dòng dữ liệu vào ra của 1 xử lý hoàn toàn phù hợp (tương thích) với các dòng dữ liệu vào ra của lược đồ phân rã xử lý đó
- d Tất cả các ký hiệu cơ bản của lược đồ DFD (dataflow, datastore, process, source/sink) được đưa vào đầy đủ trong lược đồ
41. Yêu cầu cơ bản để DFD có tính chất nhất quán là
- a Tất cả các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin được thể hiện đầy đủ trên lược đồ
- b Tất cả các dòng dữ liệu vào ra của 1 xử lý hoàn toàn phù hợp (tương thích) với các dòng dữ liệu vào ra của lược đồ phân rã xử lý đó
- c Tất cả các ký hiệu cơ bản của lược đồ DFD (dataflow, datastore, process, source/sink) được đưa vào đầy đủ trong lược đồ
- d Tất cả những mô tả trong lược đồ hoàn toàn phù hợp với các quy tắc quản lý của tổ chức *
42. Mỗi liên hệ “là cha của”, “là con của”, “là vợ của”, “là chồng của”,... giữa người nhân viên và người thân của họ được mô hình hóa tốt nhất bằng
- a Các thuộc tính trong thực thể NGƯỜI THÂN
- b Thuộc tính của mối quan hệ giữa NHÂN VIÊN và NGƯỜI THÂN
- c Các thuộc tính trong thực thể NHÂN VIÊN
- d Quan hệ giữa NHÂN VIÊN và NGƯỜI THÂN *
43. Yếu tố nào sau đây quan trọng nhất trong việc đánh giá tính khả thi của một hệ thống thông tin sẽ được xây dựng ?
- a Năng lực đáp ứng các yêu cầu thay đổi
- b Năng lực hỗ trợ hoàn thiện kế hoạch phát triển tổ chức
- c Ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến nhất
- d Làm hài lòng người sử dụng hệ thống *
44. Chuẩn hóa (normalization) là để:
- a Không làm mất thông tin khi thao tác trên dữ liệu
- b Làm bộc lộ rõ các mối quan hệ tiềm ẩn giữa các nội dung dữ liệu
- c Tăng hiệu quả sử dụng không gian lưu trữ *
- d Tất cả đều đúng
45. Thuộc tính B phụ thuộc hàm vào thuộc tính A có nghĩa là
- a Nếu cho trước 1 giá trị dữ liệu A, thì sẽ xác định được 1 giá trị dữ liệu B tương ứng *
- b Nếu cho trước 1 giá trị dữ liệu B, thì sẽ xác định được 1 giá trị dữ liệu A tương ứng
- c Nếu cho trước 1 giá trị dữ liệu A, thì sẽ tính toán được 1 giá trị dữ liệu B tương ứng bằng công thức toán học
- d Cả a, b, và c đều đúng
46. Có bao nhiêu lỗi sai do vi phạm quy tắc vẽ DFD trong lược đồ sau (mỗi loại lỗi chỉ tính 1 lần)



DFD mức 0



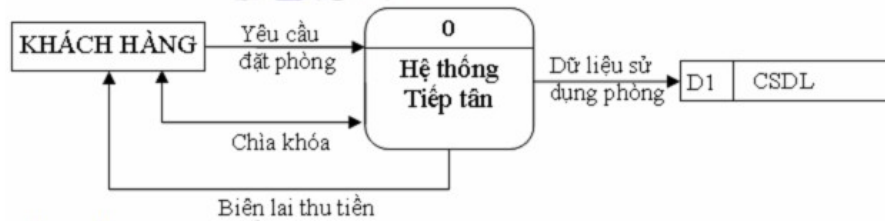
a 4

b 2 *

c 3

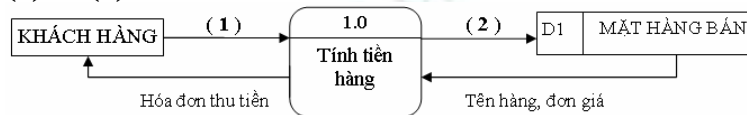
d 1

47. “Theo yêu cầu đặt phòng của khách, bộ phận tiếp tân sẽ giao chìa khóa phòng cho khách sử dụng, sau đó ghi dữ liệu phòng đã sử dụng vào CSDL để in biên lai thu tiền khi khách trả chìa khóa phòng”. Hãy cho biết có bao nhiêu lỗi sai trong lược đồ ngữ cảnh sau:



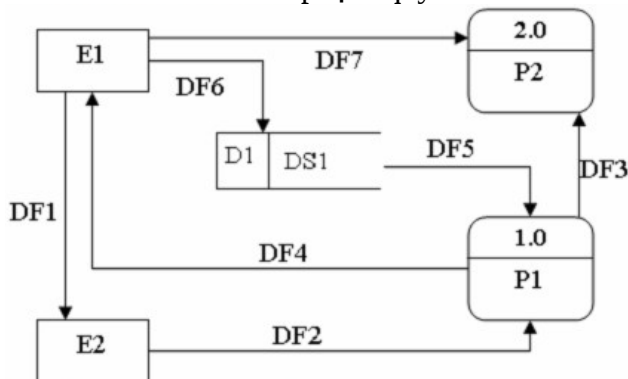
- a 4 b 3 c 2 d 1 *

48. “Tại quầy tính tiền trong siêu thị, mã số của các món hàng mà khách hàng đã chọn mua được máy đọc mã vạch nhận biết để dùng làm khóa tìm kiếm tên mặt hàng và đơn giá món hàng trong hồ sơ mặt hàng bán. Dữ liệu này sẽ được dùng để in hóa đơn thu tiền cho khách hàng. Số lượng bán của mỗi món hàng được ghi vào hồ sơ mặt hàng bán”. Lược đồ DFD hiện tại mức luận lý cho xử lý này được vẽ như hình sau. Hãy cho biết mô tả nào chính xác nhất cho các dòng dữ liệu (1) và (2):



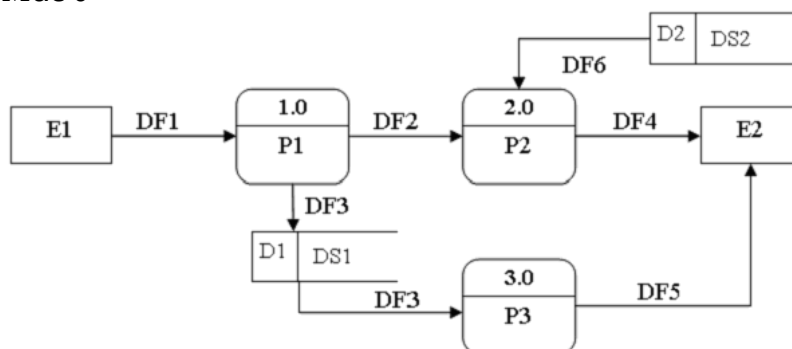
- a 1: mã số hàng, số lượng 2: mã số hàng
b 1: mã số hàng 2: món hàng, số lượng
c 1: món hàng, số lượng 2: món hàng, số lượng *
d 1: món hàng, số lượng 2: mã số hàng

49. Có tất cả bao nhiêu lỗi vi phạm quy tắc vẽ DFD trong lược đồ sau

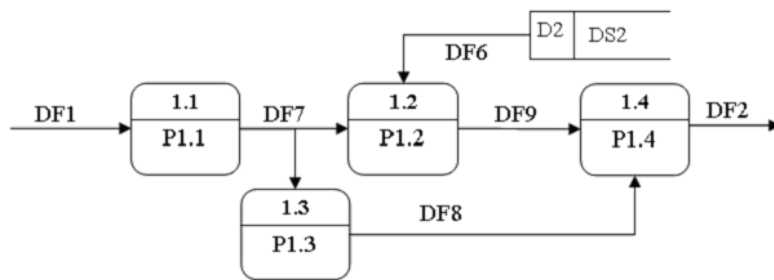


- a 4 b 1 c 3 * d 2

50. Có tất cả bao nhiêu lỗi vi phạm quy tắc vẽ DFD trong các lược đồ sau
Mức 0



Mức 1



Mức 2



a 2

b 4

c 1 *

d 3

Tailieu.vn